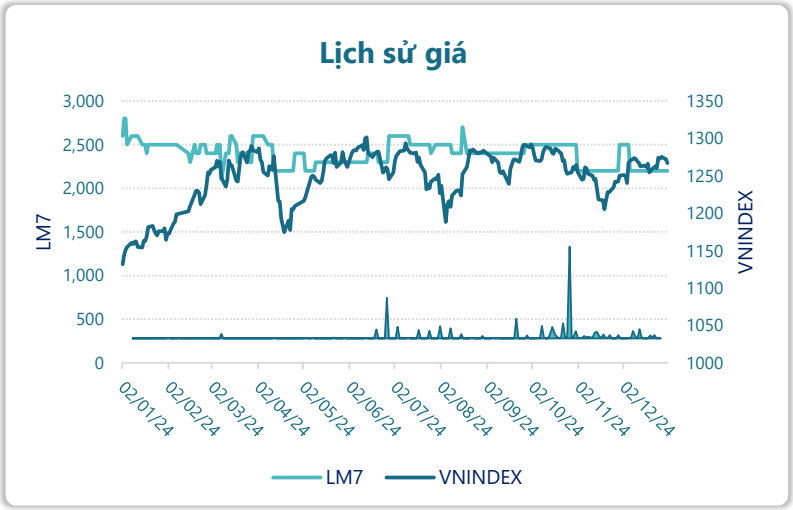
FireAnt

CTCP Lilama 7 (UPCOM: LM7)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,100
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/24

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-29.9%

+/- YoY: ▲ 15.8%

DT thuần

2024

43.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.8| 63.9%

LN sau thuế

2024

-20.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.70| 3.2%

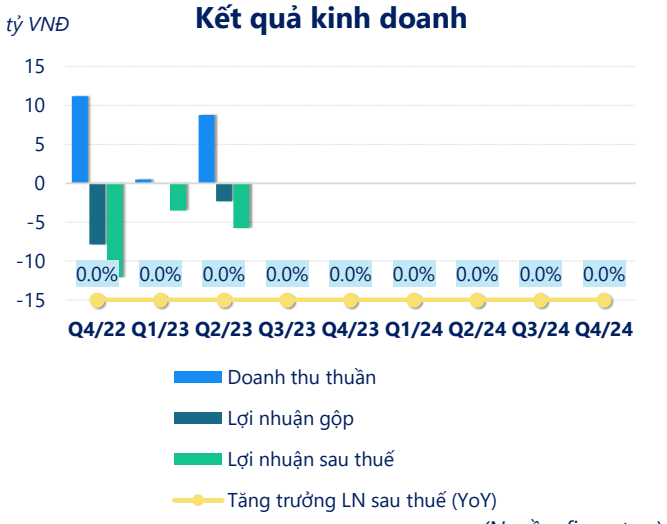
ROE

2024

70.4%

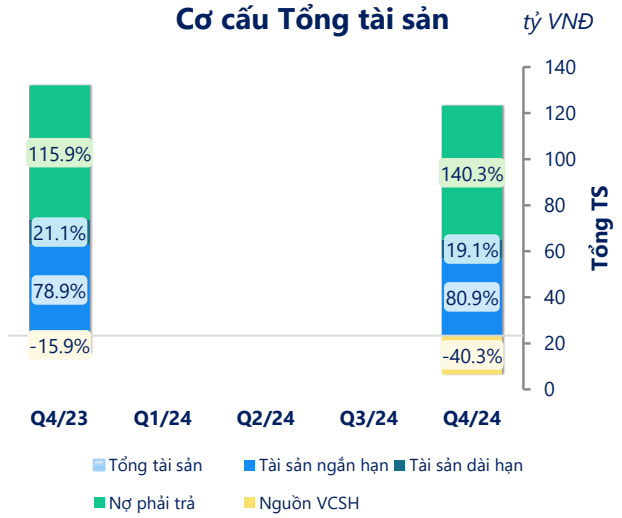
+/- YoY: ▼ 186%

Kết quả kinh doanh



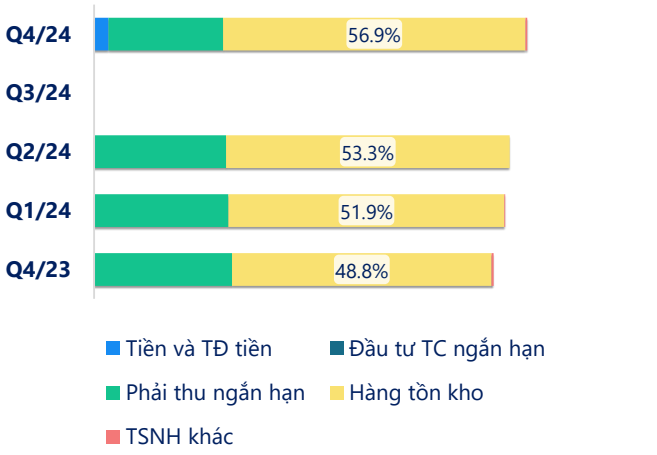
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



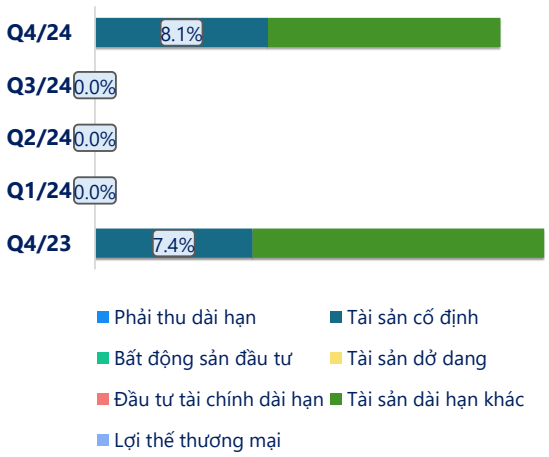
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



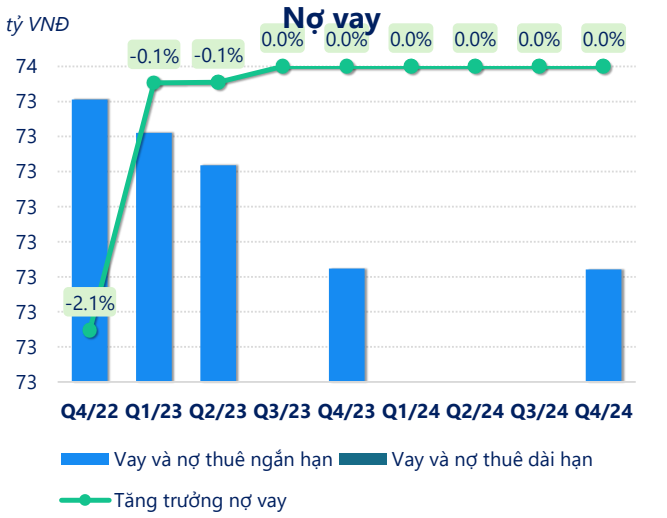
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



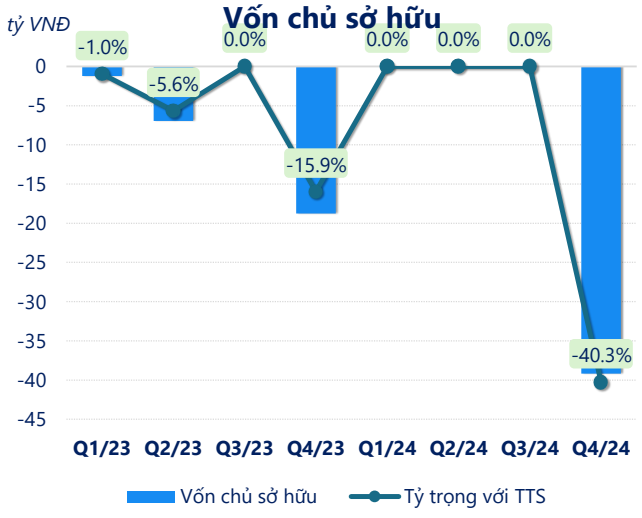
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



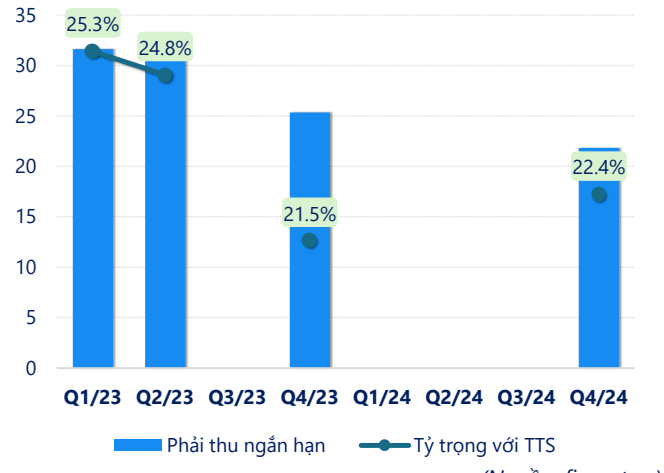
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



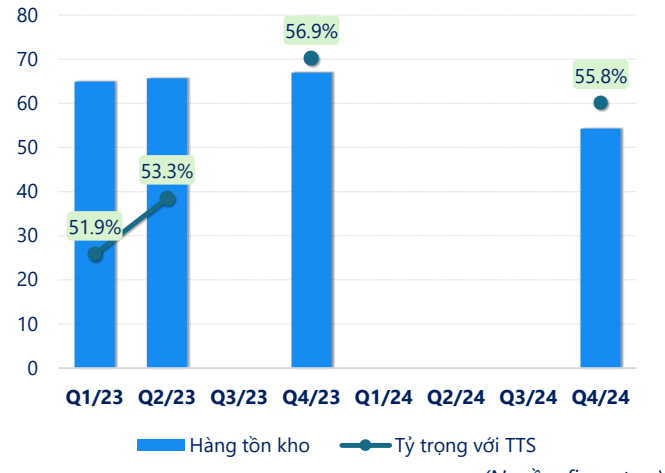
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



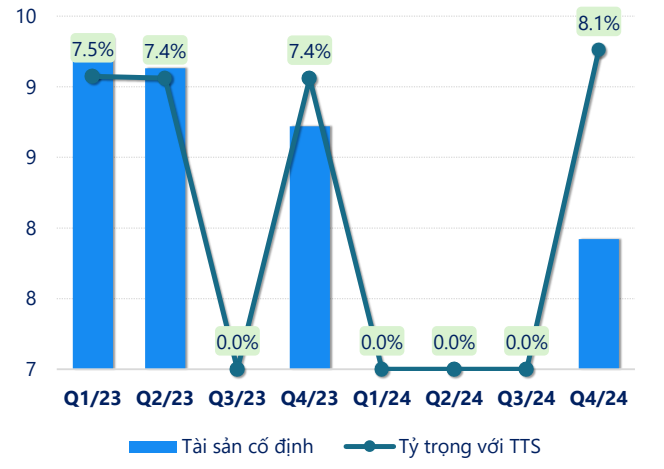
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



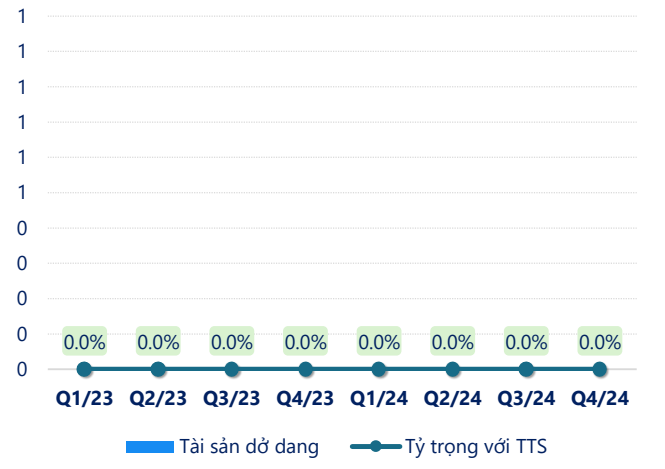
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



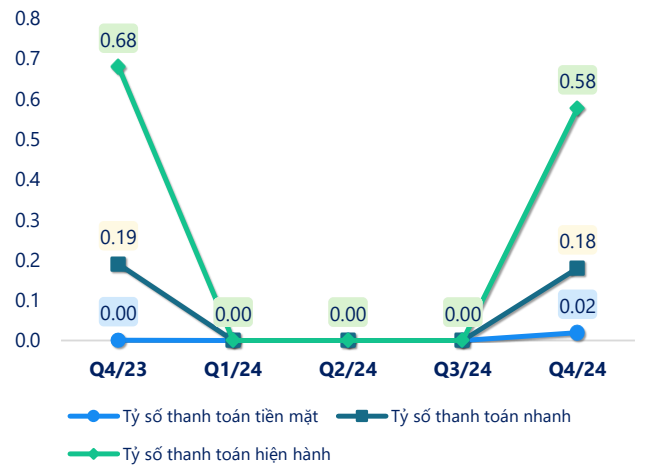
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



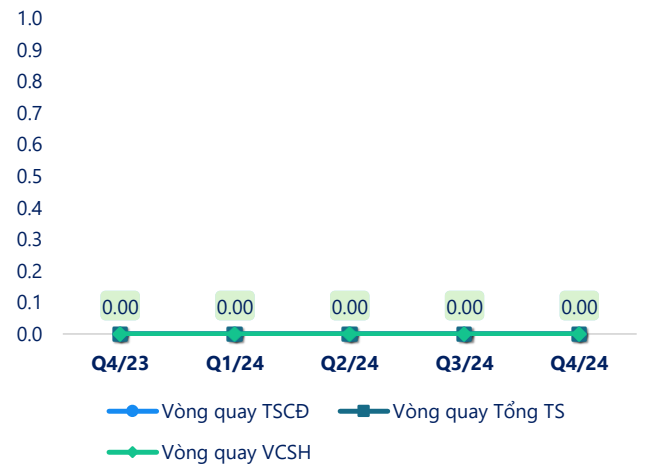
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**118**				**97.3**
Tài sản ngắn hạn	**92.8**				**78.7**
Tiền và tương đương tiền	0.15				2.65
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0				0
Phải thu ngắn hạn	25.3				21.8
Hàng tồn kho	67.0				54.2
Tài sản ngắn hạn khác	0.40				0
Tài sản dài hạn	**24.9**				**18.5**
Phải thu dài hạn	0				0
Tài sản cố định	8.72				7.92
Bất động sản đầu tư	0				0
Tài sản dở dang	0				0
Đầu tư tài chính dài hạn	0				0
Tài sản dài hạn khác	16.1				10.6
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	**136**				**136**
Nợ ngắn hạn	**136**				**136**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.9				72.9
Phải trả người bán ngắn hạn	18.5				15.2
Nợ dài hạn	0				0
Vay và nợ thuê dài hạn	0				0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-18.8**				**-39.2**
Vốn chủ sở hữu	**-18.8**				**-39.2**
Vốn điều lệ	50.0				50.0
Kinh phí và quỹ khác	0				0

(Nguồn: fireant.vn)